

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2025
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân – Bà Đinh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 28 tháng 7 năm 2023 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, anh Q thường xuyên đánh đập chị, trong một tháng anh Q đánh đập chị ba lần, lúc chị mang bầu anh Q anh Q cũng đánh chị, chị đi làm 05

ngày về anh Q không cho chị đón con. Mâu thuẫn vợ chồng đã tìm cách hoà giải, hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

Về nuôi con: Chị và anh Bùi Văn Q có một con chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2023. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng, ngày 10 tháng 6 năm 2025 chị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ tháng.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng chưa hoà giải được nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị H về đoàn tụ. Sau khi Toà án hoà giải đoàn tụ không thành, anh Q có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H đã hết, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

Về nuôi con: Anh thống nhất với chị H, anh chị có 01 con chung như chị H trình bày. Anh đồng ý với yêu cầu nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của chị H.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Bùi Văn Q có nơi thường trú tại thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, bản sao trích lục kết hôn số 30/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cấp vào ngày 23 tháng 5 năm 2025 thể hiện chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Bùi Văn Q có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 7 năm 2023 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất, sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt cho anh chị được ly hôn.

Do chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Bùi Văn Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án được nên Tòa án không thể công nhận sự thoả thuận của các đương sự nhưng cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự. Căn cứ vào quy định tại các Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Bùi Văn Q được ly hôn.

[2.2] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Bùi Văn Q có một con chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2023. Chị H và anh Q thống nhất giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng là 2.00.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy: Thoả thuận của các đương sự về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con nên mỗi đương sự phải chịu 25% án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là $300.000 \text{ đồng} \times 25\% = 75.000 \text{ đồng}$ và 25% án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con là $300.000 \text{ đồng} \times 25\% = 75.000 \text{ đồng}$, như vậy:

Chị H phải chịu án phí ly hôn là 75.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 75.000 đồng, tổng cộng chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Q phải chịu án phí ly hôn là 75.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 75.000 đồng, tổng cộng anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về nuôi con:

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2023. Anh Bùi Văn Q cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Bùi Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0002447, ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, chị H được trả lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Bùi Văn Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) (anh Q chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Bùi Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Đương sự (02);
- UBND xã Giới Phiên, Tp Yên Bái,
(GCNKH số 14 ngày 12/11/2009);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền